TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2020/KDTM - ST
Ngày: 24/7/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Ngọc Trường**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Đức Dũng**
2. Bà **Lữ Kim Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2018/LTST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST –KDTM ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn*: Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi BM.

Địa chỉ: 784-QL50, ấp P, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Người đại diện theo phát luật: Ông Lê Huỳnh M T, sinh năm 1977; Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm H Q – Nhân viên kế toán (Văn bản uỷ quyền số 07/2019/HTX-UQ ngày 14/6/2019).

Địa chỉ: Số 56, tổ 2, ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Trần V M, sinh năm 1964 – đại diện Hộ Kinh doanh Trần V M.

Địa chỉ: số 99, ấp T B, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn T X P, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: số 99, ấp T B, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: ấp B Đ, xã Đ, huyện C Đ, tỉnh B – Vũng Tàu.

(Ông M vắng mặt; Ông Q, bà P, ông T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tường trình đại diện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn – người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm H Q trình bày:*

Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi BM có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và vợ ông M là bà Nguyễn Thị X P để ông bà bán lại cho người chăn nuôi từ khoản năm 2012, sau đó thấy Hộ kinh doanh Trần V Mi và bà Nguyễn Thị X P làm ăn có phát triển nên Hợp tác xã BM có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 14/6/2013 cho phía Hộ kinh doanh Trần V M và bà Nguyễn Thị X P gối đầu 250.000.000 đồng cho Hợp đồng mua bán, trong những năm sau thì các bên đều ký lại Hợp đồng mua bán với nội dung không thay đổi và Hợp đồng thế chấp vẫn có giá trị trong các hợp đồng sau, Hợp đồng mua bán có những thỏa thuận sau:

- Sản phẩm là thức ăn chăn nuôi do Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi BM sản xuất mang nhãn hiệu BM

- Giá bán theo bảng báo giá của bên cung cấp theo từng thời điểm, ngày áp dụng có ghi trên bản giá

- Thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Bên mua được nợ gối đầu 250.000.000 đồng, có thế chấp bằng Giấy CN QSD đất. Khi ngưng giao dịch thì bên mua phải trả tất nợ cho bên bán trong 10 ngày.

- Trong trường hợp khi chấm dứt hợp đồng hoặc ngưng giao dịch, bên mua thanh toán nợ trễ hạn thì phải chịu lãi phạt 2%/tháng.

Căn cứ hợp đồng mua bán số 061-049/2016/HĐMB ký ngày 01/01/2016 thực hiện đến ngày 20/5/2016 thì ngưng giao dịch, tại thời điểm này Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn Thị X P còn nợ tiền gốc là 230.817.716 đồng, ông bà có ký xác nhận tại các Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2016 và ngày 31/10/2016. Ngày 06/01/2017 bà Phương có nhận tiền nợ 32.934.361 đồng do ông Nguyễn Th T chuyển qua nên tổng số tiền gốc ông M, bà P phải trả là 263.752.077 đồng theo biên bản đối chiếu ngày 13/2/2017.

Ngày 21/6/2017, Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M có gửi Thông báo số 16/2017 yêu cầu ông M, bà P trả số tiền gốc và lãi là 319.917.721 đồng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cùng ngày ông M có viết phản hồi không đồng ý nội dung thông báo và đề nghị trả nợ trước 150.000.000 đồng và nhận hàng bán lại. Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M có thư trả lời số 20/2017 đề ngày 25/7/2019 đồng ý đề nghị của ông M, bà

P trả nợ trước 150.000.000 đồng và nhận hàng bán lại còn cho gia hạn trả nợ đến 31/8/2017 nhưng ông M, bà Ph không thực hiện. Tại phiên hòa giải của Tòa án nếu ông M, bà Ph đồng ý trả gốc và lãi thì HTX chế biến thức ăn chăn nuôi B M sẽ bớt lãi 30.000.000 đồng và 02 tháng vừa qua do bệnh dịch Covi-19 như vậy tiền gốc là 263.752.077 đồng và lãi suất là 103.391.337 đồng nhưng ông M, bà Ph vẫn không đồng ý.

Nay Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi BM có yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho HTX chế biến thức ăn chăn nuôi BM số tiền nợ gốc là 263.752.077 đồng và lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 01/6/2016 cho đến ngày 10/7/2020, nhưng trừ 02 tháng không tính lãi do dịch bệnh Covid và ngày lẻ, cụ thể:

+ Từ ngày 01/6/2016 đến 06/01/2017 là 07 tháng, 5 ngày (Không tính lãi 05 ngày lẻ): [230.817.716 đồng x 07 tháng x 1,125%/tháng] = 18.176.895 đồng

+Từ ngày 07/01/2017 đến ngày 10/7/2020 là 42 tháng, 3 ngày (Thời gian dịch bệnh Covid 02 tháng và lãi 03 ngày lẻ Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi Bình Minh không tính lãi: [263.752.077 đồng x 40 tháng x 1,125%/tháng] = 118.688.434 đồng. Tổng số tiền lãi là: 136.865.329 đồng

Tổng số tiền phải trả là 400.617.406 đồng, làm tròn số tiền là 400.617.000 đồng.

Trong trường hợp ông M và bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi thì HTX B M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 227, tờ bản đồ 02 bản đồ địa chính xã Bảo Bình, diện tích 261m2, địa chỉ thửa đất tại: ấp TB, xã B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 913344 do UBND huyện CM cấp ngày 28/11/2007, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 222/HĐTC ngày 14/6/2013, đăng ký thế chấp ngày 16/8/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh CM để thu hồi nợ.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn – ông Trần V M đại diện Hộ kinh doanh Trần VM trình bày:*

Ông thừa nhận quá trình thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi và hiện nay ông và vợ ông là bà Ph còn nợ Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M tiền gốc 263.752.077 đồng là đúng. Trước đó, ngày 06/01/2017 bà Phương có nhận tiền nợ 32.934.361 đồng do ông Nguyễn Th T chuyển qua nên tổng số tiền gốc ông M, bà Ph phải trả là 263.752.077 đồng theo biên bản đối chiếu ngày 13/2/2017 thì ông hoàn toàn thống nhất không có ý kiến gì.

Vợ chồng ông M, bà Ph chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 263.752.077 đồng còn tiền lãi thì không đồng ý trả với lý do hiện nay gia đình đang gặp khó khăn, đã nghỉ buôn bán, không còn chăn nuôi vì những người dân mua cám cũng đã

nghỉ, vợ chồng ông bà cũng không liên lạc được với HTX B M trong thời gian tháng 5, tháng 6/2016.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 222/HĐTC ngày 14/6/2013, đăng ký thế chấp ngày 16/8/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh CM vẫn có hiệu lực đảm bảo nghĩa vụ cho Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 061-049/2016/HĐMB ngày 01/01/2016 vì cho gối đầu số tiền 250.000.000 đồng, vợ chồng ông đồng ý với ý kiến yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của HTX BM và vợ chồng ông chỉ trả tiền gốc không trả tiền lãi.

** Tại biên bản lấy lời khai – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn T X P trình bày:*

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày, ý kiến của ông Trần V M, bà Ph đồng ý liên đới cùng ông M trả số nợ gốc 263.752.077 đồng cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M và việc xử lý tài sản thế chấp, còn tiền lãi thì không đồng ý trả vì cùng ý kiến với ông M, bà P không bổ sung gì thêm và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của vụ án.

** Tại biên bản lấy lời khai - người làm chứng là ông Nguyễn Th T trình bày:*

Sau khi được Tòa án triệu tập làm việc, ông xác định nội dung trong Biên bản công nhận thỏa thuận tách chuyển nợ ngày 06/01/2017 do HTX B M cung cấp về nội dung thỏa thuận là đúng sự thật, hai bên đều tự nguyện, cho đến nay HTX B M khởi kiện ông M, bà Ph thì ông vẫn giữ nguyên nội dung thỏa thuận như trên, không có ý kiến hay yêu cầu gì. Ông đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử của vụ án.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

+ Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án: Điều lệ HTX chế biến thức ăn chăn nuôi B M, Giấy chứng nhận đăng ký HTX, Giấy CN đăng ký hộ kinh doanh, bảng chiết tính lãi, Phiếu báo phát, Thư trả lời số 20/20217/HTX, Thông báo yêu cầu thanh toán số 16/2017/HTX, Biên bản công nhận, thỏa thuận tách chuyển nợ ngày 06/01/2017, chi tiết phát sinh mua hàng và thanh toán tháng 1/2017, bản đối chiếu công nợ ngày 13/02/2017, Bảng theo dõi giao dịch khách hàng năm 2016, bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2016, chi tiết phát sinh mua hàng và thanh toán tháng 5/2016, bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2016, Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi ngày 01/01/2016, Đơn yêu cầu xác nhận tình trạng cư trú, Giấy ủy quyền ngày 27/2/2018, Chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận QSD đất, Hợp đồng thế chấp QSD đất ngày 14/6/2013, Giấy ủy

quyền ngày 06/4/2018, Bản tự khai, Thư phúc đáp số 12/2018/HTX ngày 16/7/2018, Thư đánh máy của ông Mười đề ngày 09/7/2018, Đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét

+ Tài liệu, chứng cứ bị đơn đã cung cấp cho Tòa án: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

+ Tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được: Biên bản lấy lời khai các đương sự, BB ghi nhận sự vắng mặt, BB xem xét, thẩm định tại chỗ, Công văn 79/2019/CV-TA ngày 27/8/2019, Công văn 1304/CV-TCKH ngày 03/9/2019, Công văn số 1496/CV- TCKH ngày 21/10/2019, Thông báo của 03 Ngân hàng, Biên bản xác minh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà P không đồng ý trả lãi trên nợ gốc.

* *Tại phiên tòa hôm nay*:

Vì đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt nên không có lời khai, Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc nhận đơn, thụ lý đơn khởi kiện, vi phạm về thời hạn tạm đình chỉ và thời hạn chuẩn bị xét xử của Tòa án có vi phạm khoản 2, 3 Điều 191 và Điều 203 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thẩm quyền thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thủ tục hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu, Cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: không có vi phạm và đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân thủ theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BTTDS, còn vắng mặt tại một số buổi triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ông M và bà P liên đới trả cho HTX chế biến thức ăn chăn nuôi B M số tiền nợ gốc là 263.752.077 và lãi

suất phát sinh 1,125%/tháng tính từ ngày 01/06/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Ngày 25/12/2019 nguyên đơn bổ sung yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo HĐTC bằng QSD đất và tài sản gắn liền trên đất ký ngày 14/06/2013 giữa ông M bà Ph với HTXCNCNTC B Minh trông trường hợp ông M bà Ph không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Nhận thấy:

Đối với số tiền gốc: Hai bên nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 263.752.077 đồng (Hai trăm sáu mười ba triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng), và bị đơn đồng ý trả nợ cho nguyên đơn số tiền này. Điều này hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện qua: bảng đối chiếu công nợ các lần vào ngày 31/05/2016; ngày 31/10/2016; ngày13/02/2017; biên bản công nhận thỏa thuận tách chuyển nợ ngày 06/01/2017; thông báo yêu cầu thanh toán tất nợ quá hạn ngày 21/06/2017. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở.

Đối với tiền lãi: Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phát sinh 1,125%/tháng tính từ ngày 01/06/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử, tuy nhiên phía bị đơn không đồng ý bởi lẽ bị đơn cho rằng đã ngừng giao dịch với bên nguyên đơn từ thời điểm tháng 06/2016, đồng thời hiện nay gia đình bị đơn đang gặp khó khăn, việc kinh doanh đang không thể tiến hành được.

Xét thấy: Theo mức lãi trung bình của 03 Ngân hàng mà Tòa án đã thu thập được cao hơn mức lãi suất 1,125%/tháng. Việc các bên mua bán với nhau đã có sự thỏa thuận rõ ràng về lãi suất thể hiện tại Điều 6 Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số 061-049/20016/HĐMB ngày 01/01/2016 giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn, đến thời điểm tháng 06/2016 hai bên ngừng giao dịch bên, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn tính lãi chậm thanh toán cho bị đơn từ thời điểm này là hoàn toàn phù hợp.

Ông M, bà P là vợ chồng, trong các hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi đều có chữ ký của bà Ph, đồng thời bà Ph cũng đồng ý cùng ông Mười trả nợ. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông M và bà Ph cùng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 263.752.077 đồng và số tiền lãi suất phát sinh 1,125%/tháng tính từ ngày 01/6/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc nêu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, thì nguyên đơn sẽ xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký ngày 14/06/2013 giữa hai bên, đăng ký thế chấp ngày 16/08/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai

Nhận thấy, hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký ngày 14/06/2013 giữa hai bên là đúng quy định của pháp luật, đồng thời hai bên đồng ý xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả tiền cho nguyên đơn, nên ghi nhận tôn trọng sự thỏa thuận của các bên về vấn đề này.

Kiến nghị tại phiên tòa đối với các vi phạm về việc nhận đơn và thụ lý đơn khởi kiện của Tòa án theo khoản 2, 3 Điều 191, khoản 2 Điều 196 BLTTDS, vi phạm về thời hạn tạm đình chỉ quy định tại Điều 106 BLTTDS, vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M có đơn khởi kiện Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và vợ ông M là bà Nguyễn Thị X Ph về việc tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi, các bên đều có đăng ký kinh doanh, các bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó vụ án được xác định là vụ án kinh doanh thương mại. Hộ kinh doanh Trần V M có địa chỉ tại số 99, ấp TB, xã B B, huyện CM, tỉnh Đồng Nai. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về xác định tư cách đương sự tham gia vụ án:

Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi BM có đơn khởi kiện đối với Hộ kinh doanh Trần VM do ông Trần V M làm đại diện, bà Nguyễn T X P nên xác định Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M là nguyên đơn, bị đơn là Hộ kinh doanh Trần V M do ông Trần V M làm đại diện, bà Nguyễn Thị X Ph là người có nghĩa vụ, liên quan trong vụ án; trong quá trình làm việc giữa các bên có xác định khoản nợ gốc đang tranh chấp có tiền nợ 32.934.361 đồng do ông Nguyễn Th T, sinh năm 1964, nơi cư trú: ấp Bàu, xã Đ, huyện C, tỉnh B- Vũng Tàu chuyển cho bà Phvào ngày 06/01/2017, bà Ph có trách nhiệm trả nợ cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M, giữa các đương sự và ông T vẫn giữ nguyên việc chuyển nợ và đề nghị không đưa ông T vào tham gia tố tụng, xét thấy thỏa thuận trên giữa các bên là tự nguyện, việc giải quyết tranh chấp không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông T nên không đưa ông T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thủ tục ủy quyền: Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M có văn bản ủy quyền cho ông Phạm H Q làm đại diện. Xét việc ủy quyền trên của là

hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Hộ kinh doanh Trần Văn Mười do ông Trần Văn Mười làm đại diện nhưng ông Mười vắng mặt không có lý do; Đại diện nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn T X P có đơn xin vắng mặt nên nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M khởi kiện yêu cầu Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho HTX chế biến thức ăn chăn nuôi B M số tiền nợ gốc là 263.752.077 đồng và lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 01/6/2016 cho đến ngày 10/7/2020 là 136.865.330 đồng. Tổng cộng là: 400.617.000 đồng và xử lý tài sản thế chấp khi không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X Ph chỉ đồng ý trả nợ gốc là 263.752.077 đồng và xử lý tài sản thế chấp, không đồng ý thanh toán trả tiền lãi. Do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn nhận thấy: Theo yêu cầu đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp kèm theo đơn và đồng thời bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận có giao kết Hợp đồng mua bán với nguyên đơn (trong đó có việc chuyển nợ) và hiện đang nợ nguyên đơn số tiền 263.752.077 đồng; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc 263.752.077 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1,125%/tháng trên số tiền gốc 230.817.716 đồng tính từ ngày 01/6/2016 đến ngày 06/01/2017 và số tiền gốc 263.752.077 từ ngày 7/01/2017 đến ngày 10/7/2020 (Không tính lãi ngày lẻ và 02 tháng dịch bệnh Covid).

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý thanh toán tiền lãi vì cho rằng gia đình đang gặp khó khăn, đã nghỉ buôn bán, không còn chăn nuôi vì những người dân mua cám cũng đã nghỉ, vợ chồng bị đơn cũng không liên lạc được với HTX B M trong thời gian tháng 5, tháng 6/2016. Xét thấy việc mua bán là thỏa thuận của hai bên, không có ai ép buộc, lừa dối, việc giữa các bên có giao dịch với nhau thì các bên vẫn có thể liên lạc trực tiếp với nhau qua các hình thức khác nhau để trao đổi, việc bị đơn và người liên quan

trình bày không liên lạc được với nguyên đơn để làm căn cứ không trả lãi là không có cơ sở, theo quy định của Luật thương mại thì người mua chậm thanh toán tiền cho người bán thì phải chịu lãi do việc chậm thanh toán tiền của mình, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Đối với mức lãi suất: Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Qua xác minh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Cẩm Mỹ Nam Đồng Nai cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 18% một năm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đông Đồng Nai cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 16,95% một năm và Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai phòng giao dịch Long Khánh cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 17,25 %/năm, trung bình lãi suất quá hạn của 03 ngân hàng là 17,4%/năm, tương ứng 1,45%/tháng. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1,125%/tháng, thấp hơn mức lãi quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng; không tính lãi ngày lễ và 02 tháng dịch bệnh Covid vừa qua, đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận.

Số tiền lãi mà bị đơn, người liên quan phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/6/2016 cho đến ngày 10/07/2019 với mức lãi suất là 1,125%/tháng là: 136.865.329 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng, Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M đã nộp tạm ứng số tiền trên; Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X Ph phải liên đới trả lại số tiền chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Về những kiến nghị về thủ tụng tố tụng là đúng, tuy nhiên vi phạm này là của Thẩm phán trước được phân công giải quyết nên không thể khắc phục được. Về nội dung vụ án thì quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 235, Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M đối với Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X P về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X Ph phải liên đới thanh toán cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M số tiền gốc mua hàng là 263.752.077 đồng *(Hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn không trăm bảy mươi bảy)* và tiền lãi là 136.865.329 *(Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi chín)* đồng. Tổng số tiền là 400.617.406 *(Bốn trăm triệu sáu trăm mười bảy ngàn bốn trăm lẻ sáu)* đồng, làm tròn số tiền là 400.617.000 *(Bốn trăm triệu sáu trăm mười bảy ngàn)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X Ph không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi thì Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 227, tờ bản đồ 02 bản đồ địa chính xã Bảo Bình, diện tích 261m2, địa chỉ thửa đất tại: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 913344 do UBND huyện Cẩm Mỹ cấp ngày 28/11/2007, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 222/HĐTC ngày 14/6/2013, đăng ký thế chấp ngày 16/8/2013 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh C M để thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Hộ kinh doanh Trần V M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X P phải liên đới trả lại số tiền chi phí tố tụng là 4.000.000 *(Bốn triệu)* đồng cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Hộ kinh doanh Trần Văn M do ông M làm đại diện và bà Nguyễn T X P phải liên đới chịu án phí kinh doanh

thương mại sơ thẩm là 20.024.680 *(Hai mươi triệu không trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm tám mươi)* đồng.

Hoàn trả lại cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B M số tiền 8.094.000 đồng *(Tám triệu không trăm chín mươi bốn ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004175 ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

4. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
- *Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Trường